

Số: 115/2019/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 25 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị S - sinh năm 1971

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn N - sinh năm 1968

Địa chỉ: đều ở khu 3, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị S và anh Trần Văn N.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thúy L - sinh ngày 20/12/2003 kể từ tháng 7/2019 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh N không yêu cầu. Chị S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Con chung Trần Tiến S - sinh ngày 04/6/1995 và Trần Thị Hà C -sinh ngày 20/5/1998, hiện nay đã thành niên, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. *Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ tài sản:* Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về án phí:* Chị Trần Thị S chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003313 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị S được hoàn trả lại số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án DS;
- UBND xã C;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng